DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG TRỢ CẤP BẢO TRỢ XÃ HỘI

THÁNG 9 NĂM 2026

XÃ ĐẠI SƠN

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
	Tổng					**#VALUE!**
Trẻ em từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng						***1,050,000***
1	Nguyễn Việt Anh	24/10/2010	Đông Phong	Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do mồ côi cả cha lẫn mẹ	1.5	1,050,000
Người từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang đi học						***#VALUE!***
2	Đàm Đăng Cường	28/04/2009	Đại Đồng	Người từ đủ 16 tuổi đến không quá 22 tuổi mồ côi cả cha và mẹ nhưng đang đi học	1,5	#VALUE!
3	Nguyễn Phương Thanh	21/09/2005	Đông Phong	Người từ đủ 16 tuổi đến không quá 22 tuổi mồ côi cả cha và mẹ nhưng đang đi học	1.5	1,050,000
4	Nguyễn Thu Giang	18/01/2008	Đông Phong	Người từ đủ 16 tuổi đến không quá 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do mồ côi cả cha và mẹ nhưng đang đi học	1.5	1,050,000
5	Khương Tùng Dương	12/06/2010	Thượng Hải	Trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do không có cha, mồ côi mẹ nhưng đang đi học	1.5	1,050,000
Đơn thân nghèo nuôi con nhỏ						***700,000***
6	Nguyễn Thị Khe	14/04/1970	Đại Đồng	Người thuộc diện hộ nghèo chưa có chồng, đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hoá, CĐ,ĐH: Nguyễn Đức Cường, sinh ngày: 22/11/2008	1.0	700,000
Đơn thân cận nghèo nuôi con nhỏ						***#VALUE!***
7	Trần Thị Mai	16/05/1982	Đại Đồng	Người thuộc diện hộ cận nghèo chưa có chồng, đang nuôi 01 con dưới 16 tuổi: Trần Khánh Linh, sinh ngày: 24/7/2013	1.0	700,000
8	Tô Thị Nếp	11/05/1966	Kỳ Sơn	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hóa: Tô Đức Tú, sinh ngày 10/10/2005	1.0	700,000
9	Tăng Thị Luyến	05/05/1975	Kỳ Sơn	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con dưới 16 tuổi là: Tăng Thị Duyên, sinh ngày 21/9/2011	1.0	700,000
10	Phạm Thị Đức	06/03/1978	Xuân Nẻo	Người thuộc hộ cận nghèo có chồng đã chết đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hoá, CĐ, ĐH: Nguyễn Thị Minh Nhàn, sinh ngày 05/10/2008	1.0	700,000
11	Nguyễn Thị Lộc	19/11/1976	Xuân Nẻo	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi: Nguyễn Thị Thanh Xuân, sinh ngày 26/02/2006 đang đi học	1.0	700,000
12	Đoàn Thị Sen	25/11/1967	Xuân Nẻo	Người thuộc hộ cận nghèo có chồng đã chết đang nuôi 01 con dưới 16 tuổi là: Nguyễn Đoàn Hải Dương, sinh ngày 08/10/2010	1.0	700,000
13	Phạm Thị Dung	28/04/1984	Ô Mễ	Người thuộc diện hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con: Phạm Như Huy, sinh ngày 12/5/2014	1.0	700,000
14	Nguyễn Thị Hương	21/02/1975	Thượng Hải	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hoá, CĐ, ĐH: Nguyễn Quang Anh, sinh ngày: 20/10/2008	1.0	700,000
15	Nguyễn Thị Ty	25/04/1977	Thượng Hải	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang đi học: Phạm Trường Thi, sinh ngày 03/11/2005	1,0	#VALUE!
Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng						***1,400,000***
16	Nguyễn Thị Phếu	17/01/1946	Xuân Nẻo	Người từ đủ 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con (đối tượng theo Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng)						***#VALUE!***
17	Nguyễn Thị Huệ	01/01/1959	Đại Đồng	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
18	Nguyễn Thị Bật	10/10/1953	Đại Đồng	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
19	Nguyễn Thị Tình	05/10/1962	Đại Đồng	Người từ đủ 60 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, không có chồng, không có con, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng	1.5	1,050,000
20	Nguyễn Thị Nhĩ	02/05/1947	Kỳ Sơn	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo có chồng nhưng đã chết, không có con	1.5	1,050,000
21	Nguyễn Thị Hạnh	20/05/1956	Kỳ Sơn	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
22	Nguyễn Thị Gọi	07/08/1944	Đông Phong	Người từ đủ 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	2,0	#VALUE!
23	Nguyễn Thị Kháu	28/03/1953	Đông Phong	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
24	Nguyễn Thị Lãm	01/01/1955	Thượng Hải	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
25	Nguyễn Thị Phượng	10/12/1958	Xuân Nẻo	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
26	Nguyễn Thị Ngân	01/04/1954	Xuân Nẻo	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
27	Nguyễn Thị Tuyết	11/07/1964	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
28	Nguyễn Thị Sợt	12/11/1963	Lạc Dục	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1,5	#VALUE!
29	Phạm Thị Thơm	01/01/1952	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
30	Nguyễn Thị Xuân	19/10/1959	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
31	Nguyễn Thị Nức	12/09/1963	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
32	Nguyễn Thị Luyên	26/03/1963	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1,5	#VALUE!
Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em						***17,500,000***
33	Vũ Thu Thảo	01/10/2015	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Nhìn)	2.5	1,750,000
34	Trần Nam Trung	27/08/2016	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000
35	Nguyễn Ngọc Hà	18/05/2022	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
36	Đỗ Hoàng Hải Ngân	09/01/2013	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
37	Trạc Đức Chiến	25/06/2019	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Trí tuệ; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
38	Phạm Văn Gia Bảo	24/04/2018	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000
39	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	01/11/2010	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
40	Phạm Tường Vy	21/05/2015	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
41	Nguyễn Xuân Dương	09/02/2019	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (vận động)	2.5	1,750,000
42	Nguyễn Hà My	11/09/2021	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000
Người khuyết tật đặc biệt nặng						***#VALUE!***
43	Trần Đức Thắng	08/08/2007	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
44	Phạm Trung Thành	29/01/1989	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
45	Phạm Văn Sinh	17/10/1979	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
46	Phạm Văn Yên	07/07/1998	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
47	Nguyễn Thị Thủy	23/12/1968	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
48	Chu Thị Tý	01/01/1975	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
49	Nguyễn Thị Toan	01/01/1968	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
50	Nguyễn Thị Nga	25/09/1982	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nhìn)	2.0	1,400,000
51	Nguyễn Xuân Hằng	26/02/1979	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
52	Đoàn Thị Hường	26/10/1977	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
53	Nguyễn Văn Tài	01/05/1985	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2,0	#VALUE!
54	Nguyễn Thị Mý	01/09/1981	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
55	Nguyễn Văn Cường	01/01/1991	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
56	Nguyễn Khắc Nuôi	09/09/1969	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
57	Trần Thị Mái	17/08/1975	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
58	Nguyễn Thị Thu Hương	08/09/2004	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
59	Trần Xuân Thiết	01/01/1971	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
60	Trần Anh Tuấn	06/01/2006	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
61	Nguyễn Tá Nhất	01/08/2008	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
62	Trịnh Văn Huy	17/09/2000	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Dạng khuyết tật: Trí tuệ, nhìn)	2.0	1,400,000
63	Nguyễn Tá Muông	05/01/1972	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói, thần kinh tâm thần)	2,0	#VALUE!
64	Nguyễn Trường Giang	18/07/2008	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (thần kinh, tâm thần, trí tuệ)	2.0	1,400,000
65	Lê Thị Mai	20/12/1998	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
66	Lê Thị Tuyết	15/10/1992	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
67	Lê Thị Thuần	07/12/1980	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
68	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	18/10/2004	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
69	Nguyễn Thị Thảo	02/04/1996	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
70	Nguyễn Kim Tần	11/11/1989	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
71	Lê Thị Thêm	10/09/1976	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
72	Trịnh Văn Thương	06/6/1972	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
73	Nguyễn Thị Phương Nga	23/06/1995	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
74	Đoàn Hồng Nhật	09/02/2005	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
75	Nguyễn Đức Ninh	01/01/1970	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nghe nói; Nhìn; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
76	Phạm Viết Tuấn Anh	05/03/2007	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Dạng khuyết tật: Thần kinh tâm thần, nghe nói)	2,0	#VALUE!
77	Nguyễn Thị Vân	23/01/1978	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
78	Nguyễn Văn Hà	10/11/1981	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nhìn)	2.0	1,400,000
79	Nguyễn Văn Hải	23/03/1972	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nhìn)	2.0	1,400,000
80	Nguyễn Văn Duy	21/02/2004	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
81	Nguyễn Tuấn Việt	15/11/2002	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
82	Nguyễn Văn Sang	09/08/1989	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
83	Nguyễn Thị Hoa	05/05/1986	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
84	Nguyễn Thị Tươi	20/10/1966	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Trí tuệ; Vận động)	2.0	1,400,000
85	Nguyễn Thành Long	21/08/1996	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
86	Nguyễn Ngọc Anh	03/02/1975	Ô Mễ	người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi						***#VALUE!***
87	Phạm Văn Vững	06/10/1960	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
88	Phạm Văn Viết	06/09/1959	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
89	Phạm Thị Loan	01/07/1936	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
90	Nguyễn Thị Hoa	01/01/1928	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
91	Nguyễn Thị Kim	01/01/1939	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
92	Nguyễn Thị Cay	01/01/1944	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.5	1,750,000
93	Đỗ Văn Vần	09/12/1959	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
94	Nguyễn Thị Ản	12/06/1957	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói)	2,5	#VALUE!
95	Nguyễn Thị Bến	12/01/1960	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
96	Phạm Văn Minh	01/01/1950	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
97	Nguyễn Thị Lân	26/07/1945	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
98	Nhữ Thị Mây	13/07/1949	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
99	Nguyễn Thị Việt	01/06/1944	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
100	Nguyễn Thị Sánh	07/07/1942	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
101	Nguyễn Thị Gội	01/01/1952	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
102	Nguyễn Thị Viên	01/01/1958	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
103	Nguyễn Văn Phiên	25/09/1964	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
104	Nguyễn Văn Hoán	01/01/1952	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
105	Phạm Thị Lan	07/09/1959	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nhìn)	2.5	1,750,000
106	Nguyễn Thị Chãi	27/09/1956	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
107	Nguyễn Văn Sáu	12/10/1961	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
108	Nguyễn Thị Duyên	05/10/1965	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
109	Nguyễn Thị Vân	10/05/1945	Đại Đồng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
110	Nguyễn Văn Sơn	01/01/1957	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
111	Tô Văn Đô	04/06/1955	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
112	Đoàn Thị Nhì	01/01/1924	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
113	Đào Thị Phiên	26/03/1939	Kỳ Sơn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
114	Nguyễn Thị Hay	20/01/1921	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
115	Nguyễn Thị Lơi	27/08/1955	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
116	Nguyễn Thị Đua	01/01/1936	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
117	Nguyễn Thị Hiên	12/08/1942	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
118	Nguyễn Thị Khá	20/07/1924	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
119	Nguyễn Thị Trưng	01/01/1936	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
120	Nguyễn Thị Cài	01/01/1935	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
121	Nguyễn Ngọc Đề	01/01/1935	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
122	Nguyễn Ngọc Cự	24/03/1957	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
123	Nguyễn Ngọc Bẹ	01/01/1962	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
124	Nguyễn Tá Đống	01/01/1960	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.5	1,750,000
125	Nguyễn Thị Vang	01/01/1945	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
126	Nguyễn Văn Thân	01/01/1961	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
127	Đặng Bá Lục	01/01/1965	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói, trí tuệ)	2,5	#VALUE!
128	Nguyễn Tiến Nhật	01/01/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, khác)	2.5	1,750,000
129	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.5	1,750,000
130	Nguyễn Thị Minh	01/01/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
131	Nguyễn Thị Gém	01/01/1951	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
132	Nguyễn Thị Lai	04/01/1937	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
133	Khương Thị Hải	01/01/1958	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
134	Nguyễn Thị Bích	01/01/1934	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
135	Lê Thị Ngả	01/01/1922	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
136	Nguyễn Thị Thước	01/01/1934	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Thần kinh tâm thần; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
137	Nguyễn Thị Tẻo	01/01/1938	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
138	Nguyễn Thị Tuyến	15/12/1962	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
139	Nguyễn Kim Diệm	01/04/1956	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
140	Nguyễn Thị Vơn	02/10/1931	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
141	Nguyễn Đình Thập	26/3/1957	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
142	Phạm Thị Thử	01/01/1930	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
143	Nguyễn Văn Dùng	20/02/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
144	Nguyễn Thị Nương	27/10/1958	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
145	Trần Thị Ngàn	01/01/1931	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
146	Nguyễn Thị Lâm	01/01/1934	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
147	Phạm Huy Đường	15/02/1942	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
148	Nguyễn Văn Bình	12/01/1963	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
149	Nguyễn Thị Luyện	01/01/1936	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
150	Nguyễn Thị Yến	01/01/1938	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
151	Đoàn Thị Đỡ	16/10/1949	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
152	Bùi Thị Mấm	01/02/1934	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói)	2,5	#VALUE!
153	Nguyễn Thị Chín	01/01/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
154	Đoàn Thị Cảng	01/01/1949	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
155	Nguyễn Văn Phấn	11/07/1965	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
156	Nguyễn Thị Tỵ	01/01/1940	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
157	Phạm Thị Chinh	28/01/1953	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
158	Nguyễn Thị Ca	01/01/1940	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
159	Vũ Văn Thất	01/01/1959	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
160	Phạm Văn Thú	08/10/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
161	Nguyễn Thị Nhàn	24/10/1936	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động, nghe, nói)	2.5	1,750,000
162	Nguyễn Thị Dỗ	01/01/1946	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.5	1,750,000
163	Phạm Thị Quất	26/11/1952	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
164	Nguyễn Thị Huê	02/09/1947	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
165	Phạm Thị Loan	01/01/1932	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
166	Nguyễn Thị Doan	10/12/1962	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
167	Phạm Thị Xịn	11/12/1934	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
168	Nguyễn Thị La	02/02/1952	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
169	Nguyễn Thị Lắm	01/01/1940	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
170	Phạm Văn Thắng	26/03/1959	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
171	Nguyễn Thị Hiệc	01/01/1936	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
172	Nguyễn Thị Na	26/08/1944	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
173	Nguyễn Thị Quyết	01/01/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
174	Phạm Thị Quen	04/04/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
175	Phạm Văn Điệt	01/01/1941	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
176	Nguyễn Thị Chuyển	01/01/1950	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
177	Nguyễn Thị Vui	01/01/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
178	Nguyễn Thị Nga	01/01/1960	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
179	Phạm Thị Công	01/01/1934	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
Người khuyết tật nặng là trẻ em						***#VALUE!***
180	Nguyễn Tú Quỳnh	30/03/2016	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ; Nghe nói)	2.0	1,400,000
181	Nguyễn Tú Anh	25/09/2023	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe nói)	2.0	1,400,000
182	Nguyễn Ngọc Mai	16/07/2022	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ; Nghe nói)	2.0	1,400,000
183	Nguyễn Yến Nhi	01/09/2018	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nhìn)	2.0	1,400,000
184	Nhữ Thị Thu Hải	25/11/2011	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe nói)	2.0	1,400,000
185	Đoàn Nhật Lệ	26/09/2019	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
186	Phạm Bảo Nam	19/08/2018	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
187	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	30/08/2014	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
188	Nguyễn Tá Dinh	08/09/2011	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ, nghe, nói)	2.0	1,400,000
189	Nguyễn Minh Ngọc	03/04/2018	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là trẻ em (trí tuệ, thần kinh tâm thần)	2.0	1,400,000
190	Lê Minh Anh	04/10/2014	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
191	Trần Bảo Phúc	23/09/2010	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe, nói)	2.0	1,400,000
192	Trần Quỳnh Trang	18/07/2018	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Dạng khuyết tật: Nghe nói)	2,0	#VALUE!
193	Vũ Bình An	10/02/2017	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
194	Ngô Khánh Nhi	30/06/2011	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Vận động)	2.0	1,400,000
195	Phạm Ngọc Anh	21/11/2023	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe, nói)	2.0	1,400,000
Người khuyết tật nặng						***#VALUE!***
196	Phạm Quốc Vinh	15/12/1981	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói; Nhìn)	1.5	1,050,000
197	Nguyễn Văn Thắng	01/01/1972	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
198	Nguyễn Văn Chiến	13/12/1985	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
199	Vũ Thị Huyền	22/03/1994	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
200	Đỗ Thành Luân	06/02/1996	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
201	Nguyễn Thị Hương Giang	07/01/2004	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
202	Tô Văn Nam	08/09/1983	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
203	Nguyễn Văn Thực	27/06/1984	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
204	Nguyễn Thị Ánh	27/06/1973	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
205	Vũ Thị Thủy	09/10/1986	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Khác)	1.5	1,050,000
206	Phạm Văn Chiến	21/03/1978	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
207	Nguyễn Văn Lịch	21/11/1995	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
208	Trần Thị Mai	16/05/1982	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
209	Nguyễn Văn Hưng	01/01/1983	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
210	Phạm Văn Chởn	07/10/1966	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
211	Chu Nguyễn Trung Hiếu	29/04/2009	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
212	Đoàn Thị Hà	17/05/1971	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động, nhìn)	1,5	#VALUE!
213	Nguyễn Quốc Quyền	06/10/1988	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
214	Phạm Văn Khương	05/06/1976	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
215	Phạm Hồng Hạnh	23/01/1996	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
216	Nguyễn Mạnh Long	02/12/1998	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
217	Phạm Thị Hoa	20/04/1969	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
218	Phạm Văn Nhân	07/05/1971	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
219	Nguyễn Thị Đức Yên	20/10/1984	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Nghe nói; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
220	Phạm Thị Nhân	04/02/1971	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Nghe nói)	1.5	1,050,000
221	Nguyễn Văn Huy	13/07/1978	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
222	Nguyễn Tiến Lập	18/10/1984	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
223	Phạm Thị My	22/05/1968	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (trí tuệ)	1.5	1,050,000
224	Nguyễn Văn Tuấn	08/11/1971	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
225	Âu Thị Lê	01/01/1999	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói)	1.5	1,050,000
226	Đoàn Văn Tấn	04/03/1967	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
227	Nguyễn Thị Sáu	26/06/1970	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
228	Nguyễn Văn Tấn	22/06/1974	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
229	Nguyễn Thị Nhi	10/10/1968	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
230	Nguyễn Thị Hậu	26/11/1980	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
231	Nguyễn Thanh Sơn	01/05/1968	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
232	Đàm Văn Hảo	07/02/1973	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
233	Nguyễn Văn Quyết	08/12/1971	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
234	Nguyễn Văn Tú	10/08/1980	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
235	Chu Xuân Quang	15/06/1984	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
236	Nguyễn Văn Thanh	22/11/1984	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
237	Đoàn Văn Hiển	10/12/1979	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
238	Nguyễn Thị Tiến	05/12/1971	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
239	Nguyễn Xuân Bình	14/10/1988	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
240	Nguyễn Thị Hồng	04/04/1990	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
241	Chu Thị Hạnh	01/01/1974	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
242	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/06/1979	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
243	Nguyễn Thị Ngần	16/10/1983	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
244	Lê Thị Thuyên	11/09/1970	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
245	Nguyễn Thị Trung	01/09/1984	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
246	Phạm Thị Thủy	05/08/1979	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
247	Chu Văn Duẩn	15/05/1971	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động)	1,5	#VALUE!
248	Nguyễn Văn Phúc	15/06/1989	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
249	Nguyễn Thị Kim Đua	10/07/1978	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
250	Nguyễn Thị Xoan	01/01/1977	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
251	Nguyễn Thị Bích Lan	06/05/1980	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
252	Nguyễn Văn Tài	30/11/1996	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động, trí tuệ)	1,5	#VALUE!
253	Đoàn Thị Hoàn	29/01/1972	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Nhìn)	1,5	#VALUE!
254	Đoàn Văn Tùng	11/08/1982	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
255	Nguyễn Ngọc Công	22/09/1990	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
256	Tô Văn Hùng	18/08/1980	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
257	Đoàn Văn Hậu	13/01/1969	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
258	Nguyễn Huy Sơn	16/04/1998	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
259	Dương Văn Thắng	04/04/1979	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
260	Nguyễn Văn Hà	15/10/1980	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
261	Đặng Thị Hiền	08/05/1999	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
262	Đoàn Văn Thành	06/06/2002	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
263	Nguyễn Văn Thư	23/09/1984	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
264	Tô Thị Tư	03/06/1988	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
265	Tô Thị Thuy	19/09/1985	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
266	Đoàn Văn Hiệp	24/01/1988	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
267	Đoàn Thị Luyến	01/01/1972	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
268	Đoàn Văn Luyện	15/06/1969	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
269	Tô Thị Ngọc Thảo	21/04/2007	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
270	Nguyễn Văn Hường	13/06/1971	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
271	Đoàn Cường	23/10/1983	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
272	Nguyễn Văn Thực	20/05/1970	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
273	Nguyễn Đức Dương	21/08/1995	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
274	Nguyễn Thị Tươi	18/06/1982	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
275	Tăng Thị Thơi	15/10/1967	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
276	Nguyễn Thị Ruộng	20/06/1972	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
277	Nguyễn Minh Tường	25/08/1981	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
278	Trần Thị Tuyết	28/08/1987	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
279	Nguyễn Ngọc Kê	05/06/1970	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
280	Nguyễn Đào Tiềm	11/07/1974	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
281	Nguyễn Thị Thực	25/04/1983	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
282	Nguyễn Thị Phấn	10/05/1968	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
283	Hoàng Bạch Hùng	13/11/1972	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
284	Nguyễn Tá Tâm	25/12/2000	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (trí tuệ)	1.5	1,050,000
285	Nguyễn Tá Huấn	03/11/1989	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nhìn; Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
286	Trần Công Chiến	26/06/2003	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
287	Nguyễn Ngọc Tiến	14/08/1995	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
288	Nguyễn Thị Hoa	23/10/1973	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Khác)	1.5	1,050,000
289	Trịnh Thành Long	06/01/2009	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
290	Nguyễn Văn Tuấn	20/09/1980	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Khác)	1.5	1,050,000
291	Trương Văn Vũ	09/05/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
292	Nguyễn Thị Ty	25/04/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói)	1.5	1,050,000
293	Nguyễn Quang Định	07/04/1993	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
294	Đinh Thị Thuận	18/02/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
295	Nguyễn Tất Khiếu	31/10/1973	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần, Trí tuệ)	1.5	1,050,000
296	Nguyễn Thị Viên	01/01/1967	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
297	Nguyễn Kim Tùng	01/02/1998	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
298	Lê Thị Thảo	13/07/1990	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
299	Nguyễn Tất Quân	19/07/1984	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
300	Nguyễn Thị Đang	25/10/1966	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
301	Nguyễn Văn Thuần	01/10/1983	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
302	Nguyễn Thị Hoà	09/11/1987	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
303	Nguyễn Hanh Chiền	10/12/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
304	Khương Viết Canh	23/11/1969	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
305	Khương Viết Hải	26/09/1985	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
306	Nguyễn Kim Dũng	10/04/1972	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động, Trí tuệ)	1.5	1,050,000
307	Nguyễn Sách Thắng	02/01/1970	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
308	Nguyễn Thị Hoa	01/02/1994	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
309	Nguyễn Sách Quang	20/07/1980	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nghe nói)	1.5	1,050,000
310	Khương Thị Nhuận	25/07/1968	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
311	Nguyễn Khắc Trường	01/10/1993	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
312	Nguyễn Kim Đạt	02/03/1984	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Khác)	1,5	#VALUE!
313	Nguyễn Văn Chưng	09/10/1975	Thượng Hải	Khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
314	Phạm Văn Đạt	13/02/1990	Thượng Hải	Khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
315	Nguyễn Tùng Dương	15/12/2007	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
316	Nguyễn Thị Thảo	16/06/1969	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
317	Nguyễn Thị Tuyết	15/09/1967	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (vận động, nghe, nói)	1.5	1,050,000
318	Nguyễn Văn Định	04/02/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
319	Nguyễn Thị Kim Huệ	25/12/2002	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
320	Nguyễn Thị Phúc	10/02/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
321	Phạm Kim Hạnh	06/07/1995	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ; Nhìn)	1.5	1,050,000
322	Nguyễn Ngọc Thơ	05/12/1966	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
323	Nguyễn Thị Lan	13/11/1984	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
324	Phạm Văn Đông	22/10/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
325	Nguyễn Văn Trung	26/01/2001	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
326	Nguyễn Thị Hoàn	17/05/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
327	Nguyễn Văn Hữu	19/08/1969	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
328	Phạm Văn Tuân	24/08/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
329	Phạm Văn Đại	13/06/1991	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nhìn; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
330	Nguyễn Kim Lan	26/11/1966	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nhìn; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
331	Nguyễn Văn Hùng	14/09/1966	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
332	Nguyễn Văn Hòa	18/02/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
333	Phạm Văn Bẩy	01/12/1970	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
334	Nguyễn Thị Nhạn	05/10/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
335	Nguyễn Thành Long	07/03/2001	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
336	Nguyễn Thanh Thảo	08/09/1988	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
337	Nguyễn Thị Huệ	12/11/1984	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
338	Nguyễn Quốc Hưng	15/02/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
339	Nguyễn Quang Tiến	16/07/1997	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
340	Nguyễn Văn Mạnh	18/12/1973	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
341	Phạm Thị Thu Thanh	23/03/1979	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
342	Phạm Văn Vinh	27/08/1975	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
343	Trần Văn Dũng	14/11/1985	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
344	Nguyễn Thị Thu Hà	28/06/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
345	Nguyễn Mạnh Tuấn	26/04/1989	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh tâm thần)	1.5	1,050,000
346	Phạm Thừa Thắng	12/12/1968	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động, thần kinh tâm thần)	1.5	1,050,000
347	Nguyễn Ngọc Thanh	09/4/2002	Ô Mễ	Khuyết tật nặng (Trí tuệ; Nhìn)	1.5	1,050,000
348	Nguyễn Ngọc Lương	04/09/1983	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
349	Phạm Thị Tiến	08/11/1966	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
350	Phạm Văn Chiến	19/10/1997	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
351	Nguyễn Thị Giang	23/02/1989	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
352	Phạm Thị Hòa Bình	27/01/1973	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
353	Nguyễn Văn Kha	07/08/1988	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
354	Ngô Văn Minh	25/08/1987	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
355	Trịnh Thị Ngân	02/08/1973	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
356	Phạm Thị Huyền Trang	14/04/1995	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
357	Nguyễn Văn Huynh	16/04/1967	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
358	Nguyễn Thị Ngân	03/10/1978	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
359	Phạm Văn Bính	10/09/1968	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
360	Ngô Ngọc Tiến	20/06/2001	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
361	Nguyễn Thị Mai	10/01/1992	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
362	Nguyễn Văn Thành	29/12/1970	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động)	1,5	#VALUE!
363	Nguyễn Văn Nhường	02/06/1988	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động)	1,5	#VALUE!
364	Nguyễn Văn Hưởng	11/12/2000	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Thần kinh, tâm thần)	1,5	#VALUE!
365	Phạm Thị Bình	20/6/1980	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1,5	#VALUE!
366	Phạm Thị Kim Ngân	05/06/2010	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
367	Nguyễn Thị Hường	07/07/1976	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Nhìn; Thần kinh tâm thần)	1.5	1,050,000
368	Nguyễn Thị Hải Yến	02/09/1973	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
369	Phạm Viết An	21/02/1995	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
370	Nguyễn Thành Hưng	06/09/1979	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
371	Nguyễn Văn Đức	06/09/1972	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
372	Nguyễn Văn Tường	19/05/1973	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
373	Nguyễn Thị Vân	22/12/1970	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
374	Phạm Văn Bền	14/02/1977	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nghe, nói)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
375	Nguyễn Trung Hiếu	18/03/1999	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói)	1.5	1,050,000
376	Nguyễn Hồng Hạnh	06/08/2002	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
377	Nguyễn Thị Điệp	15/02/1981	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
378	Đặng Quốc An	04/07/2003	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
379	Phạm Văn Hòa	01/01/1971	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ; Nghe, nói)	1.5	1,050,000
380	Lê Sỹ Việt	01/05/1977	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
381	Nguyễn Văn Thuật	11/01/1967	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
382	Nguyễn Văn Bình	13/05/1991	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
383	Phạm Quang Huy	20/10/2001	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
384	Phạm Thị Huệ	23/01/1971	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
385	Phạm Văn Hùng	25/07/1994	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
386	Phạm Văn Đại Anh	30/04/2004	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
387	Phạm Gia Thái	03/10/1976	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nghe, nói)	1.5	1,050,000
388	Nguyễn Thị Linh	02/08/1993	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
389	Phan Thị Bẩy	06/12/1969	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
390	Phạm Thị Nga Linh	04/05/1993	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (nghe nói)	1.5	1,050,000
391	Nguyễn Thị Diệu Hoa	18/01/2003	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
Người khuyết tật nặng là người cao tuổi						***#VALUE!***
392	Nguyễn Thị Thinh	25/06/1958	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
393	Nguyễn Xuân Tỷ	12/09/1941	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
394	Trần Thị Thùy	01/08/1960	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
395	Phạm Đình Chương	07/10/1959	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
396	Nguyễn Văn Tích	15/02/1960	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
397	Tô Văn Toản	18/08/1958	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
398	Nguyễn Văn Truật	01/03/1940	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
399	Nguyễn Quyết Thắng	19/05/1958	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
400	Nguyễn Thị Uyển	05/05/1959	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
401	Nguyễn Thị Căn	08/10/1938	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
402	Đoàn Phái Chiến	30/03/1956	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
403	Ngô Thị Tài	01/07/1953	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
404	Nguyễn Thị Giang	01/05/1958	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
405	Nguyễn Văn Ngọ	01/07/1960	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
406	Đoàn Thị Lệ	01/08/1947	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
407	Nguyễn Văn Việt	16/08/1957	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
408	Nhữ Thị Mơ	01/06/1939	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
409	Nguyễn Thị Gỡ	01/07/1953	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
410	Phạm Văn Thấn	01/02/1962	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
411	Phạm Thị Khai	01/01/1963	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
412	Nguyễn Văn Chuyển	01/07/1959	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
413	Ngô Văn Chinh	01/01/1958	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
414	Nguyễn Thị Chắc	05/02/1957	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
415	Vũ Văn Vảng	01/04/1952	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
416	Phạm Thị Hương	26/04/1963	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
417	Vũ Văn Toàn	12/12/1961	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
418	Phạm Văn Cát	01/04/1945	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
419	Nguyễn Văn Vượng	01/03/1944	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
420	Nguyễn Ngọc Tấn	17/07/1941	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (nhìn)	2.0	1,400,000
421	An Thị Thuận	01/01/1964	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
422	Nguyễn Văn Hồng	01/01/1960	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
423	Đặng Thị Ngọn	22/02/1952	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
424	Phạm Thị Nhung	12/04/1964	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
425	Nguyễn Thị Nhỏ	01/01/1956	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
426	Nguyễn Văn Đỗ	01/01/1951	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
427	Nguyễn Văn Chè	08/04/1961	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
428	Nguyễn Văn Tung	10/10/1960	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
429	Phạm Văn Duy	17/03/1960	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
430	Vũ Thị Thính	01/01/1930	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
431	Nguyễn Thị Nụ	01/03/1941	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
432	Nguyễn Thị Sinh	07/05/1930	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
433	Nguyễn Thị Loan	06/02/1946	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
434	Nguyễn Thị Mật	01/01/1964	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (trí tuệ)	2.0	1,400,000
435	Nguyễn Văn Đạo	09/07/1962	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
436	Nguyễn Thị Toan	15/03/1959	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
437	Nguyễn Thị Thương	14/02/1955	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
438	Nguyễn Văn Măng	02/02/1948	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
439	Nguyễn Thị Phích	18/10/1958	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
440	Nguyễn Hữu Đô	01/01/1937	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
441	Nguyễn Thị Thu	01/01/1940	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
442	Nguyễn Văn Cường	01/01/1956	Đại Đồng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
443	Nguyễn Văn Đỉnh	02/01/1947	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nghe, nói)	2.0	1,400,000
444	Vũ Văn Thụ	01/01/1958	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
445	Nguyễn Thị Hoành	20/08/1954	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
446	Vũ Văn Hưởng	23/08/1959	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
447	Vũ Văn Phú	14/02/1950	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
448	Nguyễn Thị Lan	01/01/1937	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
449	Nguyễn Thị Thanh	01/05/1934	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
450	Phạm Thị Tính	05/12/1956	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, Nhìn)	2.0	1,400,000
451	Nguyễn Thị Mỳ	30/12/1962	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
452	Vũ Thị Đào	04/05/1948	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
453	Nguyễn Thị Liễn	24/06/1950	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
454	Tăng Thị Sáng	08/04/1953	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
455	Nguyễn Văn Lộc	08/03/1965	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
456	Nguyễn Quang Tiến	18/04/1958	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
457	Nguyễn Thị Nguyệt	25/06/1966	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
458	Nguyễn Thị Hợi	17/05/1957	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
459	Tăng Đức Tài	27/09/1954	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
460	Tăng Thị Lanh	05/05/1957	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
461	Trần Thị Xuân	01/01/1943	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
462	Nguyễn Văn Sánh	24/03/1965	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
463	Nguyễn Thế Vinh	01/02/1951	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
464	Nguyễn Văn Ngẫu	17/03/1949	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
465	Nguyễn Văn Dần	02/09/1962	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
466	Nguyễn Văn Mát	01/01/1946	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
467	Nguyễn Thị Liên	01/02/1940	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
468	Vũ Thị Mỹ	14/11/1962	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
469	Vũ Thị Lơ	20/07/1945	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
470	Nguyễn Thị Mong	30/11/1961	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
471	Nguyễn Văn Hoạch	15/06/1965	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
472	Đỗ Văn Tiến	06/10/1965	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
473	Nguyễn Văn Đến	24/06/1963	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
474	Dương Văn Thiều	04/05/1953	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
475	Nguyễn Thị Ngoan	20/10/1955	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
476	Nguyễn Thị Giới	16/12/1954	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
477	Tăng Thị Doan	17/05/1950	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
478	Phạm Thị Hòa	01/01/1961	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
479	Lương Thị Bống	15/05/1957	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
480	Đoàn Thị Ngân	18/03/1948	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
481	Tăng Thị Hoa	01/01/1962	Kỳ Sơn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
482	Phạm Thị Thuý Toàn	03/06/1949	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
483	Khương Thị Loan	01/01/1937	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
484	Nguyễn Thị Nâng	22/02/1952	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
485	Trần Thị Thuận	27/02/1941	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
486	Nguyễn Khắc Gầy	15/11/1961	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
487	Nguyễn Thị Quạt	01/06/1946	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
488	Trịnh Thị Hạt	05/03/1957	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
489	Nguyễn Văn Liệt	06/01/1958	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
490	Nguyễn Văn Măng	14/08/1960	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
491	Nguyễn Thị Nhàng	25/04/1954	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
492	Nguyễn Văn Bệ	01/01/1954	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
493	Nguyễn Thị Mến	01/01/1958	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
494	Nguyễn Văn Luật	07/04/1963	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
495	Trần Thị Tươi	02/12/1955	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
496	Nguyễn Ngọc Chánh	14/04/1959	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe nói)	2.0	1,400,000
497	Nguyễn Thị Cúi	01/01/1951	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
498	Nguyễn Thị Rẽ	15/02/1964	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
499	Nguyễn Thị Bẩy	01/01/1947	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
500	Vũ Thị Liên	01/01/1952	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
501	Nguyễn Thị Lấm	01/01/1939	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
502	Nguyễn Ngọc Quê	20/06/1965	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
503	Nguyễn Văn Bài	05/02/1965	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ, nghe nói)	2	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
504	Trần Thị Nhàn	01/01/1946	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2	1,400,000
505	Nguyễn Thị Bấm	01/01/1965	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
506	Nguyễn Thị Tròn	01/01/1965	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
507	Nguyễn Thị Mão	01/01/1935	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
508	Lê Văn Lan	01/01/1942	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
509	Nguyễn Đình Xã	01/01/1964	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
510	Nguyễn Thị Vi	01/01/1930	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
511	Nguyễn Thị Bính	01/01/1959	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2	1,400,000
512	Nguyễn Tất Kiên	25/03/1949	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, nhìn)	2	1,400,000
513	Nguyễn Thị Kiêu	01/01/1933	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
514	Nguyễn Thị Cúc	01/01/1938	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
515	Nguyễn Thị Dụ	01/01/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
516	Nguyễn Thị Nghêu	01/01/1944	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
517	Nguyễn Khắc Số	01/01/1960	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
518	Khương Viết Huyền	15/09/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
519	Nguyễn Thị Đức	18/07/1960	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
520	Khương Viết Du	01/01/1946	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
521	Nguyễn Tất Muôn	01/01/1959	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
522	Nguyễn Sách Xuyền	01/01/1957	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
523	Đoàn Thị Điệp	01/01/1954	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
524	Trịnh Xuân Triềm	20/05/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
525	Nguyễn Văn Tuất	01/01/1946	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
526	Nguyễn Thị Dậy	20/06/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
527	Nguyễn Thị Tản	01/01/1931	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
528	Nguyễn Thị Dạo	01/01/1954	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
529	Nguyễn Thị Man	07/08/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
530	Nguyễn Thị Đạm	01/01/1939	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
531	Nguyễn Thị Bạc	07/01/1958	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ; Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
532	Nguyễn Thị Lâm	01/01/1952	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
533	Nguyễn Thị Ngoan	25/02/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
534	Nguyễn Thị Rát	11/11/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
535	Nguyễn Thị Tảo	20/01/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
536	Trịnh Thị Ca	12/09/1949	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
537	Khương Thị Ly	01/01/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
538	Nguyễn Thị Mấn	10/01/1964	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
539	Trần Thị Mơ	01/01/1964	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
540	Khương Thị Thảo	25/10/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	*2,0*	#VALUE!
541	Khương Viết Triển	05/07/1951	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
542	Nguyễn Thị Hỏi	01/01/1954	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
543	Nguyễn Văn Gòong	01/01/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
544	Nguyễn Tất Vương	24/06/1959	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Khác)	2,0	#VALUE!
545	Nguyễn Sách Soạn	08/9/1954	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
546	Lương Thị Chi	10/01/1961	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
547	Nguyễn Thị Thủy	08/10/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
548	Nguyễn Thị Xoan	01/03/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
549	Phan Thị Tâm	16/01/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
550	Nguyễn Mạnh Hùng	19/02/1959	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
551	Phạm Thị Hoạch	27/11/1955	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
552	Phan Thị Loan	01/01/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
553	Phạm Đức Trung	01/01/1952	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
554	Đặng Thị Thật	01/01/1945	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
555	Trần Văn Khải	01/01/1950	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
556	Nguyễn Thị Hồi	01/01/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
557	Bùi Thị Dục	20/05/1949	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
558	Nguyễn Văn Trung	01/01/1958	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
559	Nguyễn Thị Phương	01/01/1924	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe nói)	2.0	1,400,000
560	Nguyễn Huy Hợi	06/10/1958	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
561	Nguyễn Thị Đằm	16/10/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
562	Nguyễn Thị Thìn	01/01/1954	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
563	Nguyễn Thị Bình	24/06/1954	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
564	Nguyễn Thị Dần	29/05/1962	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
565	Nguyễn Văn Dậu	01/02/1934	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
566	Nguyễn Thị Phượng	10/10/1963	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
567	Phạm Thị Vân	01/06/1964	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
568	Nguyễn Văn Sáu	10/07/1964	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động, nghe nói)	2.0	1,400,000
569	Nguyễn Thị Xuân	17/03/1932	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
570	Phạm Thị Thu	15/08/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
571	Nguyễn Thị Khang	01/02/1938	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2	1,400,000
572	Phạm Thị Thỏa	01/01/1925	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2	1,400,000
573	Trần Thị Nhát	20/10/1941	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2	1,400,000
574	Phạm Thị Ngẫu	05/12/1963	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2	1,400,000
575	Nguyễn Thị Kim Oanh	13/07/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
576	Nguyễn Thị Ca	08/05/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
577	Nguyễn Thị Ngóp	20/08/1958	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
578	Nguyễn Thị Hạnh	20/08/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
579	Nguyễn Thị Diu	01/01/1947	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
580	Phạm Thị Phương	19/11/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
581	Nguyễn Thị Huyên	01/01/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
582	Nguyễn Văn Hởi	04/08/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
583	Phạm Thị Thuận	15/06/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
584	Phạm Thị Hạ	20/05/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
585	Phạm Thị Mây	28/04/1953	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
586	Nguyễn Văn Nam	30/06/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
587	Nguyễn Thị Lượt	01/01/1961	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
588	Nguyễn Thị Ty	01/01/1961	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
589	Nguyễn Văn Thiềm	01/08/1960	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
590	Nguyễn Thị Dãn	07/09/1951	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
591	Phạm Thị Lành	10/10/1959	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
592	Nguyễn Anh Tuấn	11/11/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
593	Nguyễn Văn Hoán	17/08/1945	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
594	Nguyễn Thị Mượn	01/01/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
595	Bùi Thị Xuyên	01/01/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
596	Nguyễn Thị Dậng	01/01/1960	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
597	Lê Thị Lý	21/01/1952	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
598	Nguyễn Thị La	26/03/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
599	Phạm Văn Thế	12/12/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
600	Phạm Thị Dung	18/06/1950	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
601	Phạm Thị Hơn	26/03/1947	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
602	Phạm Thị Duyên	26/12/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
603	Nguyễn Văn Tuyên	03/02/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động, nghe, nói)	2.0	1,400,000
604	Nguyễn Văn Linh	15/05/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
605	Phạm Ngọc Bỉnh	09/09/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
606	Vũ Thị Hiến	18/08/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
607	Vũ Thị Tín	01/12/1960	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
608	Phạm Văn Lâm	15/07/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
609	Nguyễn Thị Thêu	02/07/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
610	Nguyễn Văn Dung	19/05/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
611	Phạm Thị Ha	20/10/1961	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nghe, nói, thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
612	Phạm Thị Nhấn	01/01/1962	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
613	Nguyễn Thị Thơ	08/02/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
614	Nguyễn Văn Trự	02/02/1965	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Thần kinh tâm thần)	2,0	#VALUE!
615	Phạm Thị Mưa	15/02/1945	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
616	Phạm Thị Lanh	04/03/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
617	Phạm Thị Triệu	20/09/1965	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
618	Nguyễn Thị Xuyến	17/07/1959	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
619	Nguyễn Văn Tâm	01/01/1959	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
620	Vương Thị Hy	01/01/1958	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
621	Nguyễn Văn Xứng	01/01/1946	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
622	Nguyễn Văn Hiền	01/01/1955	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
623	Nguyễn Văn Hanh	10/12/1961	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
624	Nguyễn Thị Nga	01/01/1962	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
625	Nguyễn Thị Bằng	01/01/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
626	Nguyễn Thị Thơ	23/05/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
627	Nguyễn Quốc Song	01/01/1952	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe nói)	2.0	1,400,000
628	Nguyễn Thị Tân	10/12/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
629	Nguyễn Thị Hỡi	01/01/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
630	Nguyễn Văn Thám	01/01/1956	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
631	Nguyễn Thị Thành	01/01/1956	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
632	Nguyễn Văn Bách	01/01/1957	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
633	Nguyễn Thị Hà	01/01/1958	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
634	Nguyễn Thị Miễu	21/01/1955	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
635	Nguyễn Thị Nhung	01/01/1960	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
636	Phạm Văn Thảo	26/12/1947	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
637	Nguyễn Văn Miên	29/04/1959	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
638	Nguyễn Văn Minh	03/01/1962	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
639	Nguyễn Thị Yến	27/01/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
640	Vũ Thị Hoàn	09/10/1945	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
641	Nguyễn Thị Xuyên	01/01/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
642	Nguyễn Thị Liên	10/07/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
643	Vương Thị Chính	10/12/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
644	Nguyễn Thị Thu	12/05/1963	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
645	Nguyễn Văn Đan	14/11/1964	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
646	Đoàn Thị Mận	10/08/1964	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
647	Nguyễn Thị Miên	01/01/1948	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.0	1,400,000
648	Nguyễn Thị Xuân	11/10/1953	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
649	Nguyễn Thị Nghĩ	01/01/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.0	1,400,000
Hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi mất nguồn nuôi dưỡng						***1,050,000***
650	Nguyễn Thị Hòa	19/09/1969	Đông Phong	Người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do mồ côi cả cha lẫn mẹ (Nguyễn Việt Anh; Sn: 24/12/2010)	1.5	1,050,000
Hỗ trợ hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng						**#VALUE!**
651	Nguyễn Thị Hoa	01/01/1928	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1928	1.0	700,000
652	Phạm Văn Viết	06/09/1959	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Viết	1.0	700,000
653	Trần Văn Đại	28/05/1975	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Đức Thắng (sinh năm: 2007)	1,0	#VALUE!
654	Nguyễn Thị Bẩy	21/03/1964	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Vững (sinh năm: 1960)	1,0	#VALUE!
655	Nguyễn Thị Bẩy	21/03/1964	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Trung Thành, sinh ngày 29/01/1989	1.0	700,000
656	Phạm Văn Thích	10/02/1975	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Kim, sinh ngày 01/01/1939	1.0	700,000
657	Nguyễn Thị Thảo	28/11/1988	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Nam Trung, sinh ngày 27/8/2016)	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
658	Nguyễn Xuân Tỷ	12/09/1941	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Cay, sinh ngày 01/01/1944)	1.0	700,000
659	Nguyễn Thị Luyến	27/06/1945	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lân (sinh năm: 1945)	1.0	700,000
660	Phạm Văn Kỳ	01/11/1940	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Việt (sinh năm: 1944)	1.0	700,000
661	Phạm Văn Hoán	10/05/1958	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Minh (sinh năm: 1950)	1.0	700,000
662	Nhữ Thị Mây	13/07/1949	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nhữ Thị Mây, sinh ngày 13/7/1949	1.0	700,000
663	Phạm Văn Phong	27/12/1962	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Yên (sinh năm: 1998)	1,0	#VALUE!
664	Ngô Thị Bài	15/09/1955	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Sinh, sinh ngày 17/10/1979	1.0	700,000
665	Phạm Thị Giáp	06/07/1954	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đỗ Văn Vần (sinh ngày: 09/12/1959)	1,0	#VALUE!
666	Phạm Văn Bài	01/05/1955	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Ân (sinh ngày: 12/6/1957)	1,0	#VALUE!
667	Vũ Văn Thụ	02/07/1983	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vũ Thị Thảo (sinh năm: 2015)	1.0	700,000
668	Phạm Văn Đát	05/07/1961	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Bến	1.0	700,000
669	Nguyễn Thanh Thủy	17/01/1959	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Loan, sinh ngày 01/7/1936	1.0	700,000
670	Nguyễn Huy Bang	18/05/1944	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Sánh, sinh ngày 07/7/1942	1.0	700,000
671	Đoàn Văn Tính	01/01/1967	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thuỷ, sinh ngày 23/12/1968	1.0	700,000
672	Nguyễn Công Bon	16/02/1951	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chãi (sinh năm: 1956)	1.0	700,000
673	Nguyễn Văn Toản	15/08/1964	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Toan (sinh năm: 1968)	1,0	#VALUE!
674	Nguyễn Thị Viên	01/01/1958	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Viên, sinh năm 1958	1.0	700,000
675	Nguyễn Thị Hoài	12/11/1960	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Sáu, sinh ngày 12/10/1961	1.0	700,000
676	Nguyễn Thị Hằng	09/12/1991	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Gội, sinh ngày 01/01/1952	1.0	700,000
677	Chu Văn Thắng	12/04/1968	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Chu Thị Tý (sinh năm: 1975)	1,0	#VALUE!
678	Nguyễn Văn Táy	16/02/1963	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Duyên, sinh ngày 05/10/1965	1.0	700,000
679	Nguyễn Thị Ly	10/06/1954	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hoán, sinh ngày 01/01/1952	1.0	700,000
680	Nguyễn Thị Thảo	07/04/1964	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Phiên, sinh ngày 25/9/1964	1.0	700,000
681	Nguyễn Văn Hiền	03/05/1952	Đại Đồng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Lan, sinh ngày 07/9/1959	1.0	700,000
682	Phạm Văn Oanh	17/10/1957	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Oanh (sinh năm: 1957)	1.0	700,000
683	Chu Khánh Ly	01/11/2004	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nga (sinh ngày: 25/9/1982)	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
684	Nguyễn Văn Huấn	15/11/1976	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Vân (sinh ngày: 10/5/1945)	1.0	700,000
685	Phạm Thị Ánh Tuyết	26/05/1971	Đại Đồng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Xuân Hằng (sinh ngày: 26/02/1979)	1.0	700,000
686	Đỗ Thị Lê	13/11/1953	Kỳ Sơn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Thị Hường (sinh năm: 1977)	1.0	700,000
687	Nguyễn Đức Hăng	04/01/1959	Kỳ Sơn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Tài (sinh năm: 1985)	1,0	#VALUE!
688	Lã Thị The	15/10/1957	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Sơn, sinh ngày 01/01/1957	1.0	700,000
689	Nguyễn Thị Duyên	26/04/1971	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Kim, sinh ngày 20/3/1945	1.0	700,000
690	Vũ Duy Nhất	01/03/1970	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vũ Văn Trúy, sinh ngày 01/01/1940	1.0	700,000
691	Vũ Xuân Nghiêm	23/01/1947	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vũ Xuân Nghiêm, sinh ngày 23/01/1947	1.0	700,000
692	Nguyễn Đức Đông	17/05/1954	Kỳ Sơn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Mý (sinh năm: 1981)	1,0	#VALUE!
693	Tăng Thị Tẻo	24/04/1958	Kỳ Sơn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Tô Văn Đô (sinh năm: 1955)	1,0	#VALUE!
694	Nguyễn Văn Khoái	22/11/1983	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Thị Nhì, sinh ngày 01/01/1924	1.0	700,000
695	Trương Thị Dịu	18/04/1984	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Ngọc Hà, sinh ngày 18/5/2022	1,0	#VALUE!
696	Nguyễn Văn Thảnh	04/05/1960	Kỳ Sơn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Cường	1.0	700,000
697	Tăng Thị Tình	08/03/1987	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đỗ Hoàng Hải Ngân (sinh ngày: 09/01/2013)	1,0	#VALUE!
698	Đoàn Xuân Quỳnh	06/01/1976	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Ử (sinh ngày: 18/02/1936)	1	700,000
699	Nguyễn Thị Thèn	19/10/1942	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Thèn (sinh ngày: 19/10/1942)	1	700,000
700	Đào Thị Phiên	26/03/1939	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đào Thị Phiên (sinh ngày: 26/03/1939)	1	700,000
701	Đào Duy Thành	02/09/1987	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đào Trọng Quỳnh (sinh ngày: 19/5/1957)	1	700,000
702	Nguyễn Thị Nga	26/11/1985	Kỳ Sơn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trạc Đức Chiến, sinh ngày 25/6/2019	1,0	#VALUE!
703	Nguyễn Thị Sửu	01/01/1944	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Khắc Nuôi, sinh ngày: 09/9/1969	1,0	#VALUE!
704	Nguyễn Tá Phảng	20/10/1985	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tá Nhất, sinh ngày: 01/8/2008	1,0	#VALUE!
705	Nguyễn Tá Ý	13/07/1940	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tá Ưu, sinh ngày: 06/10/1978	1.0	700,000
706	Nguyễn Thị Hay	20/01/1921	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hay, sinh năm: 1921	1.0	700,000
707	Phạm Văn Thước	01/01/1973	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Gia Bảo, sinh ngày: 24/4/2018	1.0	700,000
708	Trần Xuân Nha	17/04/1969	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Anh Tuấn, sinh ngày: 06/01/2006	1,0	#VALUE!
709	Nguyễn Ngọc Trung	26/08/1997	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Thị Mái, sinh ngày: 17/8/1975	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
710	Nguyễn Thị Lơi	27/08/1955	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lơi, sinh ngày 27/8/1955	1.0	700,000
711	Nguyễn Thị Chiển	01/01/1977	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Xuân Thiết, sinh ngày 01/01/1971	1.0	700,000
712	Nguyễn Đào Mợi	01/01/1938	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Đua	1.0	700,000
713	Nguyễn Thị Lý	05/02/1961	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thu Hương, sinh ngày 08/09/2004	1.0	700,000
714	Nguyễn Tá Sạn	29/11/1973	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hiên, sinh ngày 12/8/1942	1.0	700,000
715	Nguyễn Ngọc Đề	01/01/1935	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Cải, sinh năm: 1935	1.0	700,000
716	Nguyễn Ngọc Biên	14/01/1949	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Khá, sinh ngày 20/7/1924	1.0	700,000
717	Nguyễn Thị Kim	20/08/1960	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Trưng, sinh ngày 01/01/1936	1.0	700,000
718	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1940	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Thanh (sinh ngày: 01/01/1940)	1.0	700,000
719	Trịnh Văn Thắng	21/01/1976	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Trịnh Văn Huy (sinh ngày: 17/9/2000)	1.0	700,000
720	Nguyễn Thị Ngót	03/03/1964	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Ngọc Đề, sinh ngày 01/01/1935	1.0	700,000
721	Trương Thị Nhi	28/12/1975	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Tá Muông (sinh ngày: 05/01/1972)	1,0	#VALUE!
722	Nguyễn Ngọc Cự	24/03/1957	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Ngọc Cự (sinh ngày: 24/3/1957)	1,0	#VALUE!
723	Nguyễn Ngọc Bẹ	01/01/1962	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Ngọc Bẹ (sinh ngày: 01/01/1962)	1	700,000
724	Nguyễn Tá Thanh	20/08/1985	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Tá Đống (sinh ngày: 01/01/1960)	1	700,000
725	Lê Văn Lan	01/01/1942	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Gém, sinh ngày 01/01/1951	1.0	700,000
726	Khương Thị Hải	01/01/1958	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Khương Thị Hải (sinh năm: 1958)	1.0	700,000
727	Lê Văn Tùng	06/05/1974	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Mai (sinh ngày: 20/12/1998)	1,0	#VALUE!
728	Lê Văn Dị	08/04/1967	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Tuyết (sinh ngày: 15/10/1992)	1,0	#VALUE!
729	Nguyễn Sách Soái	09/12/1976	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Thuần (sinh năm: 1980)	1.0	700,000
730	Nguyễn Kim Đa	21/04/1958	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Kim Tần (sinh ngày: 06/12/1989)	1,0	#VALUE!
731	Nguyễn Văn Gộc	07/09/1952	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hương (sinh năm: 1977)	1.0	700,000
732	Nguyễn Thị Lai	04/01/1937	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lai (sinh năm: 1937)	1.0	700,000
733	Khương Thị Hoà	25/02/1976	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Quỳnh Anh (sinh ngày: 18/10/2004)	1,0	#VALUE!
734	Nguyễn Thị Tuyến	15/12/1962	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Tuyến (sinh ngày: 15/12/1962)	1.0	700,000
735	Nguyễn Tất Hùng	10/06/1971	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thảo (sinh ngày: 02/4/1996)	1,0	#VALUE!

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
736	Vũ Thị Duyên	08/05/1986	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Vũ Hoàng Minh (sinh ngày: 01/11/2010)	1,0	#VALUE!
737	Nguyễn Tất Tháp	01/01/1965	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Trường Giang	1.0	700,000
738	Lê Thị Thêm	10/09/1976	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Thêm	1.0	700,000
739	Nguyễn Hanh Nhượng	12/02/1957	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Ngả, sinh ngày 01/01/1922	1.0	700,000
740	Nguyễn Thị Tuyết	01/01/1974	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Bích, sinh năm 1934	1.0	700,000
741	Nguyễn Thị Giỏi	04/05/1949	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Giỏi, sinh ngày 04/5/1949	1.0	700,000
742	Nguyễn Ngọc Tạo	19/08/1970	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thước, sinh năm 1934	1.0	700,000
743	Nguyễn Quang Lý	06/04/1973	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Tẻo, sinh ngày 01/01/1938	1.0	700,000
744	Nguyễn Tất Đông	13/05/1931	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tất Đông, sinh ngày 13/5/1931	1.0	700,000
745	Nguyễn Thị Chắn	01/01/1938	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chắn, sinh ngày 01/01/1938	1.0	700,000
746	Nguyễn Thị Vơn	02/10/1931	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Vơn, sinh ngày 02/10/1931	1.0	700,000
747	Phạm Thị Châm	01/01/1970	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đặng Bá Lục, sinh ngày 01/01/1965	1.0	700,000
748	Nguyễn Kim Diệm	01/04/1956	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Kiêm Diệm, sinh ngày 01/4/1956	1.0	700,000
749	Lê Thị Nhã	01/01/1933	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Nhã, sinh năm 1933	1.0	700,000
750	Nguyễn Thị Lâm	10/10/1949	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Tiến Nhật (sinh ngày: 01/01/1948)	1.0	700,000
751	Nguyễn Đình Giáp	01/01/1984	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Minh, sinh ngày 01/01/1940	1.0	700,000
752	Nguyễn Thị Vang	01/01/1945	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Vang (sinh ngày: 01/01/1945)	1,0	#VALUE!
753	Nguyễn Thị Đến	01/01/1939	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Đến (sinh ngày: 01/01/1939)	1,0	#VALUE!
754	Lê Thị Thuân	01/01/1963	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Văn Thân (sinh ngày: 01/01/1961)	1,0	#VALUE!
755	Nguyễn Thị Thuông	01/01/1924	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Thuông (sinh ngày: 01/01/1924)	1	700,000
756	Nguyễn Sách Út	07/08/1979	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Biển, sinh năm 1934	1	700,000
757	Nguyễn Đình Thập	26/3/1957	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Đình Thập, SN: 26/3/1957	1	700,000
758	Trịnh Văn Thương	06/6/1972	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trịnh Văn Thương, SN: 06/6/1972	1	700,000
759	Nguyễn Thị Nương	27/10/1958	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nương	1.0	700,000
760	Nguyễn Văn Quân	07/10/1982	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Phương Nga, sinh ngày 23/8/1995	1.0	700,000
761	Nguyễn Văn Dùng	20/02/1948	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Dùng (sinh ngày: 20/02/1948)	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
762	Nguyễn Văn Phấn	11/07/1965	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Phấn (sinh ngày: 11/7/1965)	1.0	700,000
763	Nguyễn Thị Mãi	01/01/1927	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Mãi, sinh năm 1927	1.0	700,000
764	Nguyễn Thị Chi	26/10/1975	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Hồng Nhật (sinh ngày: 09/02/2005)	1.0	700,000
765	Nguyễn Văn Bình	12/01/1963	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Bình (sinh ngày: 12/01/1963)	1.0	700,000
766	Nguyễn Văn Nhật	26/09/1971	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Thị Ngàn (sinh ngày: 01/01/1931)	1.0	700,000
767	Nguyễn Thị Hoạt	01/01/1949	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hoạt, sinh ngày 01/01/1949	1.0	700,000
768	Nguyễn Thị Lâm	01/01/1934	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lâm, sinh ngày 01/01/1934	1.0	700,000
769	Phạm Huy Đường	15/02/1942	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Huy Đường, sinh ngày 15/02/1942	1.0	700,000
770	Nguyễn Văn Tình	18/11/1982	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Hà My, sinh ngày 11/9/2021	1.0	700,000
771	Nguyễn Đức Ninh	01/01/1970	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Đức Ninh, sinh ngày 01/01/1970	1.0	700,000
772	Nguyễn Thị Khánh	17/03/1948	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Phần, sinh ngày 25/10/1942	1.0	700,000
773	Nguyễn Thị Đạm	15/01/1935	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Nguyễn Thị Đạm (sinh ngày: 15/01/1935))	1,0	#VALUE!
774	Nguyễn Đức Cương	24/08/1971	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Nguyễn Thị Luyện (sinh ngày: 01/01/1936))	1,0	#VALUE!
775	Phạm Thị Thử	01/01/1930	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Phạm Thị Thử (sinh ngày: 01/01/1930))	1,0	#VALUE!
776	Trần Văn Hoan	20/01/1956	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Trần Văn Khương (sinh ngày: 31/01/1967))	1,0	#VALUE!
777	Đoàn Thị Cảng	01/01/1949	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Thị Cảng, sinh ngày 01/01/1949	1.0	700,000
778	Phạm Thị Hở	01/07/1938	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Hở, sinh ngày 01/07/1938	1.0	700,000
779	Nguyễn Thị Chín	01/01/1948	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chín, sinh ngày 01/01/1948	1.0	700,000
780	Bùi Thị Mấm	01/02/1934	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Bùi Thị Mấm (sinh ngày: 01/02/1934)	1,0	#VALUE!
781	Đoàn Thị Đỡ	16/10/1949	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đoàn Thị Đỡ (sinh ngày: 16/10/1949)	1,0	#VALUE!
782	Nguyễn Thị Yến	01/01/1938	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Yến (sinh ngày: 01/01/1938)	1,0	#VALUE!
783	Nguyễn Thị Tỵ	01/01/1940	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Tỵ(sinh ngày: 01/01/1940)	1	700,000
784	Trần Thị Chín	24/02/1964	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Phạm Văn Quỳ(sinh ngày: 05/5/1964)	1	700,000
785	Trần Văn Nga	01/10/1928	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Trần Văn Nga (sinh ngày: 01/10/1928)	1	700,000
786	Phạm Thị Mẫn	17/07/1933	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Mẫn, sinh ngày 17/7/1933	1.0	700,000
787	Phạm Thị Chinh	28/01/1953	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Chinh, sinh ngày 28/01/1953	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
788	Phạm Văn Tầm	03/10/1961	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Phạm Viết Tuấn Anh (sinh ngày: 05/3/2007)	1,0	#VALUE!
789	Bùi Thị Vinh	22/05/1957	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Vân, sinh ngày 23/01/1978	1.0	700,000
790	Nguyễn Thị Hiệc	01/01/1936	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hiệc, sinh ngày 01/01/1936	1.0	700,000
791	Nguyễn Thị Ca	01/01/1940	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Ca (sinh năm: 1940)	1.0	700,000
792	Nguyễn Văn Hà	10/11/1981	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hà (sinh ngày: 10/11/1981)	1.0	700,000
793	Nguyễn Văn Hải	23/03/1972	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hải (sinh ngày: 23/3/1972)	1.0	700,000
794	Phạm Thị Ba	30/07/1993	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Tường Vy (sinh ngày: 21/5/2015)	1.0	700,000
795	Phạm Văn Thú	08/10/1956	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Thú (sinh ngày: 08/10/1956)	1.0	700,000
796	Nguyễn Thị Tuyết	21/10/1987	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Xuân Dương	1.0	700,000
797	Nguyễn Thị Nhàn	24/10/1936	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nhàn	1.0	700,000
798	Nguyễn Thị Dỗ	01/01/1946	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Dỗ, sinh năm 1946	1.0	700,000
799	Phạm Thị Quất	26/11/1952	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Quất, sinh ngày 26/11/1952	1.0	700,000
800	Nguyễn Văn Thành	03/06/1977	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 03/6/1977	1.0	700,000
801	Phạm Thị Loan	01/01/1932	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Loan, sinh ngày 01/01/1932	1.0	700,000
802	Nguyễn Thị Doan	10/12/1962	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Doan, sinh ngày 10/12/1962	1.0	700,000
803	Phạm Thị Hìu	08/04/1962	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tuấn Việt (sinh ngày: 15/11/2002)	1.0	700,000
804	Nguyễn Văn Bình	14/08/1968	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Duy (sinh ngày: 21/02/2004)	1.0	700,000
805	Nguyễn Văn Đón	13/12/1963	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Sang (sinh ngày: 09/8/1989)	1.0	700,000
806	Phạm Thị Xịn	11/12/1934	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Xịn (sinh ngày: 11/12/1934)	1.0	700,000
807	Phạm Thị Hay	01/01/1957	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vũ Văn Thất (sinh ngày: 01/01/1959)	1.0	700,000
808	Nguyễn Thị La	02/02/1952	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị La, sinh ngày 02/02/1952	1.0	700,000
809	Nguyễn Văn Mưu	01/01/1940	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lắm, sinh ngày 01/01/1940	1.0	700,000
810	Phạm Văn Thắng	26/03/1959	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Thắng, sinh ngày 26/3/1959	1.0	700,000
811	Nguyễn Văn Kiên	02/03/1982	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Huê, sinh ngày 02/9/1947	1.0	700,000
812	Nguyễn Thị Na	26/08/1944	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Na, sinh ngày: 26/8/1944	1,0	#VALUE!
813	Nguyễn Thị Hoa	05/05/1986	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Hoa, sinh ngày: 05/05/1986	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
814	Phạm Thị Quen	04/04/1954	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Quen, SN: 04/4/1954	1.0	700,000
815	Nguyễn Huy Thắng	15/12/1958	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Tươi, SN: 20/10/1966	1.0	700,000
816	Nguyễn Văn Năng	25/12/1954	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Quyết, SN: 01/01/1955	1.0	700,000
817	Phạm Văn Điệt	01/01/1941	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Điệt, SN: 01/01/1941	1.0	700,000
818	Nguyễn Văn Trường	27/10/1969	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Huệ (sinh năm: 1943)	1.0	700,000
819	Nguyễn Đức Hùng	02/03/1966	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đặng Thị Phan, sinh năm 1930	1.0	700,000
820	Trần Thị Nhiệm	01/01/1954	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Kiểng, sinh ngày 02/02/1944	1.0	700,000
821	Nguyễn Văn Thôn	01/07/1948	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Ngọc Anh (sinh ngày: 03/02/1975)	1.0	700,000
822	Nguyễn Thị Nguyện	18/04/1950	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tiến Thương (sinh ngày: 07/7/1979)	1.0	700,000
823	Nguyễn Văn Chữ	01/01/1944	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Chữ (sinh năm: 1944)	1.0	700,000
824	Nguyễn Văn Hồng	20/08/1953	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hồng (sinh ngày: 20/8/1953)	1.0	700,000
825	Nguyễn Thanh Chiên	05/08/1960	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thành Long, sinh ngày 21/8/1996	1.0	700,000
826	Lê Thị Làn	01/01/1947	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Làn, sinh ngày 01/01/1947	1.0	700,000
827	Nguyễn Thanh Tuấn	23/04/1958	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 01/01/1960	1.0	700,000
828	Nguyễn Thị Điều	12/04/1950	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Điều, sinh ngày 12/4/1950	1.0	700,000
829	Vương Đình Thời	28/04/1954	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vương Đình Thêm, sinh ngày 18/4/1965	1.0	700,000
830	Nguyễn Thị Vui	01/01/1954	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Vui (sinh ngày: 01/01/1954)	1,0	#VALUE!
831	Nguyễn Hinh	24/09/1940	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chuyển, sinh ngày 01/01/1950	1.0	700,000
832	Nguyễn Thị Nguyệt	02/06/1968	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Công, sinh ngày 01/01/1934	1,0	#VALUE!
Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi						**#VALUE!**
833	Nguyễn Văn Hưng	01/01/1983	Đại Đồng	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối với người khuyết tật nặng đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Nguyễn Phương Thảo, sinh ngày: 06/12/2025)	1,5	#VALUE!
Đối tượng theo Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng)						**4,900,000**
834	Phạm Phương Anh	10/12/2005	Lạc Dục	Người khuyết tật nhẹ từ đủ 16 tuổi là thế hệ thứ ba của người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.0	700,000
835	Phạm Anh Vũ	03/05/2010	Lạc Dục	Người khuyết tật nhẹ từ đủ 16 tuổi là thế hệ thứ ba của người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.0	700,000
836	Đoàn Ánh Tuyết	12/01/2005	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nhẹ từ đủ 16 tuổi là thế hệ thứ ba của người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.0	700,000
837	Nguyễn Hữu Kiên	07/10/2007	Đại Đồng	Người khuyết tật nhẹ từ đủ 16 tuổi là thế hệ thứ ba của người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Địa chỉ	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
838	Đặng Việt Dũng	27/12/2006	Ô Mễ	Người khuyết tật nhẹ từ đủ 16 tuổi là thế hệ thứ ba của người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.0	700,000
839	Nguyễn Quang Tùng	20/01/2003	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nhẹ từ đủ 16 tuổi là thế hệ thứ ba của người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.0	700,000
840	Nguyễn Thị Minh Nhàn	05/10/2008	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nhẹ từ đủ 16 tuổi là thế hệ thứ ba của người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.0	700,000
						#VALUE!

Đại Sơn, ngày 15 tháng 9 năm 2026

Người lập

Phạm Thị Xuyến

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. ĐẠI SƠN - T.P HẢI PHÒNG

Phạm Quang Hưng

42

89

15

-194

-257

-173